

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/DS-ST
Ngày 29/9/2023
“V/v tranh chấp về hợp đồng vay”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh;
2. Ông Phan Đình Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2023 “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐXXST-DS ngày 28/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị X, sinh năm 1991; địa chỉ: D V, Tổ E, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; nơi đăng ký thường trú: Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: B H, Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thị X trình bày: Do quen biết nên vào ngày 31/5/2023 tôi cho bà Nguyễn Thị H, địa chỉ C Q, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai vay 910.000.000đ, thời hạn vay là 02 ngày, không tính lãi. Tôi đã chuyển vào tài khoản số 5002205140891 của bà H tại A hai lần với tổng số tiền là 910.000.000đ. Bà H đã viết và ký vào “Giấy mượn tiền” có nội dung có mượn của tôi số tiền trên. Hết thời hạn vay nhưng bà H không chịu trả nợ mà cố tình trốn tránh, gọi điện không nghe máy, đến nhà bà H không gặp. Khi vay bà H ghi địa chỉ của bà H tại C Q, Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên nhà hiện nay bà H đã cho V thuê mở siêu thị, hiện bà H đang sinh sống tại B H, Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh

Gia Lai. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả cho tôi số tiền gốc còn nợ là 910.000.000đ và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất 10%/năm từ ngày 03/6/2023 cho đến ngày hôm nay.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án gửi thông báo thụ lý, triệu tập đến làm việc, hòa giải, xét xử nhưng đều vắng mặt nên không trình bày được ý kiến của mình về nội dung vụ án.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ có mặt tại Tòa theo các triệu tập, thông báo của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà H phải trả cho nguyên đơn chị X tiền gốc vay còn nợ là 910.000.000đ và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 03/6/2023 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Buộc bị đơn bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Đặng Thị X yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; nơi đăng ký thường trú: Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: B H, Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai, phải trả tiền còn nợ từ hợp đồng vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà H.

[3] Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với “Giấy mượn tiền” do nguyên đơn cung cấp; phù hợp với chi tiết giao dịch chuyển tiền từ tài khoản Đặng Thị X đến số tài khoản 5002205140891 vào ngày 31/5/2023; phù hợp với thông tin do Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã A cung cấp về họ tên, địa chỉ của chủ số tài khoản 5002205140891. Như vậy có căn cứ xác định vào ngày 31/5/2023 bà H có vay của chị X 910.000.000đ, thời hạn vay là 02 ngày. Theo “Giấy mượn tiền” các bên có thỏa thuận về thời hạn trả và không thỏa thuận về lãi suất vay, do vậy xác định thỏa thuận của các bên là hợp đồng vay có thời hạn và không có lãi. Đã quá thời hạn trả vay nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền vay gốc còn nợ là 910.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 03/6/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ được kiểm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về tiền gốc còn nợ: Bị đơn không đến Tòa, không cung cấp tài liệu chứng minh việc đã trả tiền cho nguyên đơn, do vậy cần xác định bị đơn đang có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền gốc vay còn nợ là 910.000.000đ.

[4.2] Về tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ: Các bên không có thỏa thuận lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, nguyên đơn yêu cầu phải trả lãi theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 03/6/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là phù hợp theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên chấp nhận. Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ buộc bị đơn phải trả là 29.481.507đ.

Do vậy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc vay còn nợ là 910.000.000đ và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là 29.481.507đ. Tổng cộng 939.481.507đ.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 40.184.445đ. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải trả cho nguyên đơn chị Đặng Thị X số tiền gốc vay còn nợ là 910.000.000đ (chín trăm mười triệu đồng) và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là 29.481.507đ (hai mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi một nghìn, năm trăm lẻ bảy đồng). Tổng cộng số tiền phải trả là 939.481.507đ (chín trăm ba mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi một nghìn, năm trăm lẻ bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 40.184.445đ (bốn mươi triệu, một trăm tám mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng).

Chị Đặng Thị X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị X tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.755.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006755 ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 29/9/2023. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX An Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Thảo